

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3319 /QĐ-UBND

Vinh Phúc, ngày 26 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt đồ án điều chỉnh QHCT tỷ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái Sông Hồng – Nam Đàm Vạc tại phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên (lần 4)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TỈNH VINH PHÚC**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1883/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc phê duyệt QHCXD đô thị Vinh Phúc; Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ QHPK A4, tỷ lệ 1/2000; Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của UBND tỉnh Vinh Phúc về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch các mốc giới kè hồ Đàm Vạc, thành phố Vinh Yên (khu vực lòng hồ chính);

Căn cứ Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 01/9/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt QHCT tỷ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái Sông Hồng – Nam Đàm Vạc tại phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên; các Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 01/3/2011, số 2172/QĐ-UBND ngày 23/8/2011, số 573/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh QHCT tỷ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái Sông Hồng – Nam Đàm Vạc tại phường Khai Quang (lần 3);

Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 01/3/2010 của UBND tỉnh về việc giao đất thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái Sông Hồng – Nam Đàm Vạc, Vinh Yên, Vinh Phúc; Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh giao đất (lần 1) theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị sinh thái Sông Hồng – Nam Đàm Vạc; thông báo số 217/TB-UBND ngày 03/10/2019 của UBND tỉnh về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp nghe Sở Xây dựng báo cáo một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại các Văn bản số 1035/TTr-SXD-QHKT ngày 05/11/2019 và số 4533/SXD-QHKT ngày 10/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án điều chỉnh QHCT tỷ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái Sông Hồng – Nam Đàm Vạc tại phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên (lần 4), gồm các nội dung chủ yếu sau:





**1. Tên đồ án:** Điều chỉnh QHCT tỷ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái Sông Hồng – Nam Đàm Vạc tại phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên (lần 4).

**2. Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Tập đoàn Sông Hồng Thủ Đô (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại Sông Hồng Thủ Đô).

**3. Lý do, mục tiêu điều chỉnh quy hoạch**

- Điều chỉnh lại phạm vi ranh giới khu vực lập quy hoạch và thực hiện dự án để cập nhật các mốc giới kè hồ Đàm Vạc đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 16/5/2013.

- Điều chỉnh tính chất quy hoạch sử dụng đất lô đất khách sạn thành đất nhà ở thấp tầng trên cơ sở nội dung điều chỉnh QHPK A4 tỷ lệ 1/2000 phát triển khu đô thị trung tâm tại thành phố Vĩnh Yên và một phần đất đai huyện Bình Xuyên, huyện Yên Lạc được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý chủ trương và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 21/6/2019.

- Điều chỉnh quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật các lô đất và hạ tầng kỹ thuật khu vực điều chỉnh ranh giới quy hoạch và điều chỉnh tính chất quy hoạch sử dụng đất lô đất khách sạn.

- Điều chỉnh chỉ giới xây dựng các lô đất ở liền kề, nhà phố thương mại; điều chỉnh mật độ xây dựng, tầng cao xây dựng các lô đất ở và lô đất khách sạn cho phù hợp với thực tế xây dựng và nhu cầu đầu tư, đảm bảo theo Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

**4. Điều chỉnh phạm vi ranh giới**

Tổng diện tích lập quy hoạch được phê duyệt điều chỉnh lần 3 tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc là 386.732,7m<sup>2</sup>, bao gồm: Đất thuộc dự án Khu đô thị sinh thái Sông Hồng - Nam Đàm Vạc là 362.270,0m<sup>2</sup>; đất tuyến đường giao thông đối ngoại từ nút giao thông nhà thi đấu thành phố Vĩnh Yên vào khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên (nằm ngoài dự án Khu đô thị sinh thái Sông Hồng – Nam Đàm Vạc) là 24.462,7m<sup>2</sup>.

Nay điều chỉnh phạm vi ranh giới như sau: Tổng diện tích lập quy hoạch là 396.850,2m<sup>2</sup>. Trong đó bao gồm:

- Đất tuyến đường giao thông đối ngoại từ nút giao thông nhà thi đấu thành phố Vĩnh Yên vào khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên (nằm ngoài dự án Khu đô thị sinh thái Sông Hồng – Nam Đàm Vạc) là 24.462,7m<sup>2</sup>: Giữ nguyên theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 13/3/2018.

- Đất thuộc dự án Khu đô thị sinh thái Sông Hồng – Nam Đàm Vạc là 372.387,5m<sup>2</sup> (tăng 10.117,5m<sup>2</sup> so với diện tích theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 13/3/2018). Điều chỉnh cắt giảm, mở rộng tại các vị trí sau:

+ Điều chỉnh giảm diện tích cho phù hợp chỉ giới kè hồ Đàm Vạc tại khu vực theo các mốc giới từ A30 đến A33 là 4115 m<sup>2</sup>;

+ Điều chỉnh tăng diện tích cho phù hợp chỉ giới kè hồ Đàm Vạc tại các khu vực: Khu vực theo các mốc giới A6 đến A22 là 8048m<sup>2</sup>; khu vực theo các mốc giới từ A28 đến A30 là 74m<sup>2</sup>; khu vực theo các mốc giới từ A33 đến A35 là 304,5m<sup>2</sup>; khu vực theo các mốc giới từ A38 đến mốc 21 là 3005m<sup>2</sup>;



+ Điều chỉnh tăng diện tích cho phù hợp hiện trạng sử dụng đất và khớp nối với ranh giới khu đất giãn dân Mậu Lâm, phường Khai Quang (đã đầu tư xây dựng hoàn chỉnh) theo các chỉ giới từ B22 đến B26 là 2765m<sup>2</sup>.

### **5. Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất**

- Điều chỉnh cắt giảm lô đất khách sạn kí hiệu KS diện tích 31442m<sup>2</sup> để điều chỉnh thành quỹ đất giao thông, đất cây xanh, đất nhà ở biệt thự. Theo đó bổ sung 04 lô đất biệt thự có tổng diện tích 17.604,2m<sup>2</sup> gồm các lô đất có kí hiệu BT-DL6\* (diện tích 3929,2m<sup>2</sup>), BT-DL10 (diện tích 4184m<sup>2</sup>), BT-DL11 (diện tích 4233m<sup>2</sup>), BT-DL12 (diện tích 5258m<sup>2</sup>). Các lô đất biệt thự được chia thành các ô đất xây dựng biệt thự đơn lập có diện tích trung bình từ 233m<sup>2</sup> đến 530,7m<sup>2</sup> một ô; chiều cao xây dựng trung bình 3,5 tầng, mật độ xây dựng tối đa 60%.

- Bổ sung lô đất nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại kí hiệu NP16, diện tích 902,5m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng tại các lô đất 100%, chiều cao xây dựng 05 tầng.

- Điều chỉnh tăng diện tích các lô đất trường học, đất hành chính, y tế văn hoá và đất cây xanh đáp ứng chỉ tiêu khi tăng diện tích đất ở, gồm các vị trí sau:

+ Điều chỉnh vị trí và diện tích lô đất hành chính, y tế văn hoá kí hiệu VH từ 1800m<sup>2</sup> thành 2030,6m<sup>2</sup>; xây dựng công trình cao tối đa 5 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%

+ Điều chỉnh vị trí và diện tích lô đất dịch vụ thương mại kí hiệu DVTM từ 2030,6m<sup>2</sup> thành 1471m<sup>2</sup>; xây dựng công trình cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 60%;

+ Điều chỉnh mở rộng lô đất nhà trẻ, trường mầm non kí hiệu NT từ 3592m<sup>2</sup> thành kí hiệu MN diện tích 5392m<sup>2</sup>; xây dựng công trình cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%;

+ Điều chỉnh diện tích các lô đất cây xanh, gồm: Lô CX-1 từ 5053,2m<sup>2</sup> thành 3.018,5m<sup>2</sup>; lô CX-2 từ 3316m<sup>2</sup> thành 1425,2m<sup>2</sup>; lô CX-3 từ 772,9m<sup>2</sup> thành 732m<sup>2</sup>; lô CX-4 từ 510,7m<sup>2</sup> thành 630,0m<sup>2</sup>; lô CX-5 từ 309m<sup>2</sup> thành 380m<sup>2</sup>; lô CX-6 từ 4563,3m<sup>2</sup> thành 7.636m<sup>2</sup>; lô CX-8 từ 537,8m<sup>2</sup> thành 435,0m<sup>2</sup>; lô CXCV -1 từ 6926,6m<sup>2</sup> thành 14874,0 m<sup>2</sup>; lô CXCV-2 từ 20.108,5m<sup>2</sup> thành 17.120,0m<sup>2</sup>; lô CXTT-2 từ 2169,3m<sup>2</sup> thành 2357,3m<sup>2</sup>;

+ Bổ sung lô đất cây xanh kí hiệu CX-9 diện tích 2860m<sup>2</sup>;

- Điều chỉnh tên lô đất, mật độ xây dựng, chiều cao xây dựng các lô đất sau:

+ Điều chỉnh cục bộ diện tích và chia tách 03 lô đất biệt thự đơn lập kí hiệu BT-DL1 (diện tích 2013m<sup>2</sup>), BT-DL2 (diện tích 2696m<sup>2</sup>), BT-DL3 (diện tích 6727m<sup>2</sup>) có tổng diện tích 11436m<sup>2</sup> thành 06 lô đất biệt thự đơn lập kí hiệu BT-DL1 (diện tích 926,7m<sup>2</sup>), BT-DL2 (diện tích 2546,9m<sup>2</sup>), BT-DL2\* (diện tích 1310,3m<sup>2</sup>), BT-DL3 (diện tích 1343,3m<sup>2</sup>), BT-DL3\* (diện tích 737,5m<sup>2</sup>) và BT-DL3\*\* (diện tích 4554,8m<sup>2</sup>) với tổng diện tích 11419,5m<sup>2</sup> (giảm 16,5m<sup>2</sup> so với tổng diện tích của 03 lô đất cũ). Các lô đất biệt thự đơn lập được phân chia thành các ô đất xây dựng biệt thự có diện tích trung bình từ 301,7m<sup>2</sup> đến 737,5m<sup>2</sup> xây dựng công trình cao trung bình 3,5 tầng, mật độ xây dựng tối đa 55%;





+ Điều chỉnh tách lô đất nhà ở liên kế kí hiệu LK1 diện tích 5583,2m<sup>2</sup> thành 02 lô đất gồm: Lô đất nhà ở liên kế kí hiệu LK1 diện tích 2789,4m<sup>2</sup>, xây dựng công trình cao 5 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%. Lô đất nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại kí hiệu NP15 diện tích 2793,7m<sup>2</sup>, xây dựng công trình cao 4 tầng, mật độ xây dựng 100%.

+ Điều chỉnh tách lô đất nhà ở liên kế kí hiệu LK4 diện tích 5096,7m<sup>2</sup> thành 02 lô đất gồm: Lô đất nhà ở liên kế kí hiệu LK4 diện tích 2540m<sup>2</sup>, xây dựng công trình cao 5 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%. Lô đất nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại kí hiệu NP14 diện tích 2565,7m<sup>2</sup>, xây dựng công trình cao 4 tầng, mật độ xây dựng 100%.

+ Điều chỉnh tách lô đất nhà ở liên kế kí hiệu LK6 diện tích 3526,7m<sup>2</sup> thành 02 lô đất gồm: Lô đất nhà ở liên kế kí hiệu LK6 diện tích 1747,5m<sup>2</sup>, xây dựng công trình cao 5 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%. Lô đất nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại kí hiệu NP13 diện tích 1779,2m<sup>2</sup>, xây dựng công trình cao 4 tầng, mật độ xây dựng 100%.

+ Điều chỉnh gộp 03 ô đất biệt thự số 1, số 2 và số 3 tại lô BT-SL5 thành ô đất kí hiệu 123 diện tích 915m<sup>2</sup>;

+ Điều chỉnh gộp 02 ô đất biệt thự số 11 và số 12 tại lô BT-DL4 thành ô đất kí hiệu 1112 diện tích 679m<sup>2</sup>;

+ Điều chỉnh gộp 02 ô đất biệt thự số 3 và số 4 tại lô BT-DL6 thành ô đất kí hiệu 2+3 diện tích 617,2m<sup>2</sup>. Điều chỉnh diện tích ô đất biệt thự số 1 tại lô đất BT-DL6 từ 314,4m<sup>2</sup> thành 325,4m<sup>2</sup>. Điều chỉnh diện tích lô đất BT-DL6 từ 1880,6m<sup>2</sup> thành 1892m<sup>2</sup>;

+ Điều chỉnh gộp 02 ô đất liên kế số 26 và số 27 tại lô LK7 thành ô đất kí hiệu 26+27 diện tích 208m<sup>2</sup>;

+ Điều chỉnh diện tích ô đất số 21 tại lô NP7 từ 182,7m<sup>2</sup> thành 124,4m<sup>2</sup>. Điều chỉnh diện tích lô đất NP7 từ 2770,7m<sup>2</sup> thành 2712,4m<sup>2</sup> (giảm 58,3m<sup>2</sup>);

+ Điều chỉnh diện tích ô đất số 1 tại lô NP8 từ 255m<sup>2</sup> thành 128,8m<sup>2</sup>. Điều chỉnh diện tích lô đất NP8 từ 2366,7m<sup>2</sup> thành 2240m<sup>2</sup> (giảm 126,7m<sup>2</sup>);

+ Điều chỉnh diện tích ô đất số 1 tại lô NP2 từ 123,8m<sup>2</sup> thành 185,5m<sup>2</sup>.

+ Điều chỉnh diện tích ô đất số 1 tại lô NP3 từ 184m<sup>2</sup> thành 192m<sup>2</sup>.

+ Điều chỉnh diện tích lô đất BT-SL10 từ 291,4m<sup>2</sup> thành 296,5m<sup>2</sup>;

+ Điều chỉnh diện tích lô BT-DL8 từ 5974,5m<sup>2</sup> thành 5978,2m<sup>2</sup>;

+ Điều chỉnh diện tích và tách lô đất nhà liên kế kí hiệu NP1\* diện tích 1531,6m<sup>2</sup> thành 02 lô đất gồm: Lô đất nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại kí hiệu NP1\* diện tích 929m<sup>2</sup>, xây dựng công trình cao 9 tầng và 01 tầng hầm, mật độ xây dựng 100%. Lô đất nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại kí hiệu NP1\*\* diện tích 773,1m<sup>2</sup>, xây dựng công trình 5 tầng mật độ xây dựng 100%;

+ Điều chỉnh tính chất từ đất nhà ở liên kế thành đất nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại đối với các lô đất kí hiệu NP1, NP2, NP3, NP4, NP5, NP6, NP7, NP8,



NP9, NP10, NP11, NP12, mật độ xây dựng tại các lô đất 100%, chiều cao xây dựng 05 tầng.

- Điều chỉnh tính chất đất dự trữ phát triển có tổng diện tích 6264,6m<sup>2</sup> thành các loại đất, gồm: Đất taluy diện tích 5.530m<sup>2</sup>; đất cây xanh (lô CX4) diện tích 324m<sup>2</sup>; đất giao thông 410,6m<sup>2</sup>;

**Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:**

STT	Các loại đất chức năng	Ký hiệu	Quy hoạch (lần 3)	Điều chỉnh (lần 4)		Tăng(+) giảm (-) diện tích (m <sup>2</sup> )
			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	
	<b>Tổng diện tích quy hoạch</b>		<b>386.732,7</b>	<b>396.850,2</b>		<b>(+)10.117,5</b>
<b>A</b>	<b>Giao thông cầu - đường BT</b>		<b>24.462,7</b>	<b>24.462,7</b>		
<b>B</b>	<b>Diện tích dự án khu đô thị</b>		<b>362.270,0</b>	<b>372.387,5</b>	100	<b>(+)10.117,5</b>
1	Đất công cộng		17.810,2	19.278,6	5,17	(+) 1.468,4
1.1	Trường học	LC	10.387,6	10.385,0		
1.2	Nhà trẻ, trường mầm non	MN	3.592,0	5.392,0		
1.3	Hành chính, Y tế, Văn hóa	VH	1.800,0	2.030,6		
1.4	Dịch vụ thương mại	TM	2.030,6	1.471,0		
2	Đất ở		151.166,6	169.685,4	45,56	<b>(+)18.518,8</b>
2.1	Biệt thự (đơn lập, song lập)	BT-SL; BT-ĐL	73.709,5	91.319,5		
2.2	Liên kế (chia lô)	LK	77.457,1	46.911,2		
2.3	Nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại	NP		31.454,7		
3	Đất cây xanh -TĐTT	CXCV, CX, CXTT	48.771,1	56.513,4	15,17	(+)7.742,3
4	Đất giao thông		105.540,6	120.144,6	32,26	(+)14.604
5	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	HTKT	1.274,9	1.235,5	0,33	(-)39,4
6	Đất dự trữ phát triển	DTPT	6.264,6	-	-	(-)6264,6
7	Đất khách sạn	KS	31.442,0	-	-	(-)31.442,0
8	Đất taluy			5530,0	1,48	(+)5530

**6. Quy hoạch hệ thống HTKT:**

**6.1. Giao thông:**

- Điều chỉnh mặt cắt 5-5 (đoạn hai bên cầu vượt đường sắt) từ lộ giới 13,0m (3,0+7,0+3,0) thành mặt cắt B-B lộ giới 21,0m (3,0+15,0+3,0);

- Điều chỉnh mặt cắt 7-7 (đoạn phía sau các lô NP1\*, NP1\*\*, NP1) từ lộ giới 7,5m thành mặt cắt C-C lộ giới 10,5m (3,0+7,5);

- Bổ sung các mặt cắt: Mặt cắt D-D lộ giới 14,0m (3,0+8,0+3,0); mặt cắt G-G lộ giới 13,5m (3,0+7,5+3,0).

- Điều chỉnh chỉ giới xây dựng: Chỉ giới xây dựng các công trình công cộng, dịch vụ lùi 5,0m so với chỉ giới đường đỏ; chỉ giới xây dựng nhà ở biệt thự lùi 3,0m so với chỉ giới đường đỏ; chỉ giới xây dựng nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại cho phép trùng chỉ giới đường đỏ; chỉ giới xây dựng nhà ở liên kế lùi từ 1,2m so với chỉ giới đường đỏ;



Chi tiết quy hoạch giao thông thể hiện trên bản vẽ.

### **6.2. San nền, cấp điện, cấp thoát nước:**

- Chuẩn bị kỹ thuật, san nền: Điều chỉnh cao độ san nền và bổ sung hệ thống cống thoát nước mưa kích thước D400 tại khu vực các lô đất BT-DL10, BT-DL11, BT-DL12, BT-DL6\*.

- Cấp nước, thoát nước thải: Bổ sung mạng lưới đường ống cấp nước kích thước D65, D150 và thoát nước thải kích thước D250 tại khu vực các lô đất BT-DL10, BT-DL11, BT-DL12, BT-DL6\*.

- Cấp điện, chiếu sáng: Bổ sung 02 trạm biến áp công suất 800KVA; bổ sung hệ thống đường dây cáp ngầm 0,4KV cung cấp điện sinh hoạt, chiếu sáng cho dự án.

Các nội dung khác giữ nguyên theo đồ án QHCT tỷ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái Sông Hồng – Nam Đàm Vạc tại phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên đã được phê duyệt.


Chi tiết thể hiện tại hồ sơ đồ án đã được Sở Xây dựng thẩm định, UBND thành phố Vĩnh Yên và UBND phường Khai Quang ký xác nhận kèm theo.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

- Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương công bố công khai quy hoạch; làm việc với các cơ quan chức năng để hoàn thiện các thủ tục điều chỉnh dự án, điều chỉnh quyết định giao đất, thực hiện các thủ tục tiếp theo của dự án và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành.

- Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính đôn đốc, hướng dẫn chủ đầu tư điều chỉnh dự án, điều chỉnh quyết định giao đất, thực hiện các thủ tục tiếp theo của dự án theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt; đôn đốc, hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính phát sinh do điều chỉnh quy định hiện hành.

### **Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành, đơn vị: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Vĩnh Yên, UBND phường Khai Quang, Công ty Cổ phần thương mại Sông Hồng Thủ Đô và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / 

#### **Nơi nhận:**

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CN3.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Chí Giang**